

Thứ ba, ngày 28 tháng 11 năm 2023

Vietnam Daily Review

Thị trường chưa thể vượt qua vùng kháng cự 1,095 - 1,100

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/11/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giảm điểm trong phiên sáng trước khi quay đầu tăng trong phiên chiều và kết phiên tại mốc 1,095.43 điểm, tăng hơn 7 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Sau ba phiên VN-Index vẫn chưa thể vượt qua vùng kháng cự 1,095 - 1,100, cho thấy lực cản ở ngưỡng này khá lớn. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/11/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index +7.37 điểm, đóng cửa 1095.43 điểm. HNX-Index +0.5 điểm, đóng cửa 224.39 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.05), BID (+0.89), HPG (+0.58), TCB (+0.58), VIC (+0.52).
- Kéo chỉ số giảm: CTG (-0.12), EIB (-0.06), DHG (-0.05), TMP (-0.05), PGV (-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12050 tỷ đồng, tăng 20.79% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14060 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.09 điểm. Thị trường có 290 mã tăng, 100 mã tham chiếu, 210 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 46.59 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm DGC (70.35 tỷ), VPB (33.68 tỷ), VHM (28.34 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 4.7 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +0.61%. Các mã diễn biến tích cực: STB (+2.74%), VHM (+2.39%), TCB (+2.22%).
- BSC50 +0.84%. Các mã diễn biến tích cực: NKG (+4.59%), HHV (+4.24%), HAH (+3.90%).

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Bảo hiểm	1.83%	Công nghệ Thông	0.40%
Tài nguyên Cơ bản	1.47%	Ô tô và phụ tùng	0.26%
Dịch vụ tài chính	1.09%	Dầu khí	0.17%
Bất động sản	1.06%	Điện, nước & xăng	0.10%
Truyền thông	1.01%	Hàng cá nhân & Gia	0.06%
Xây dựng và Vật liệu	0.75%	Bán lẻ	-0.09%
Ngân hàng	0.67%	Y tế	-0.56%
Hàng & Dịch vụ Công	0.61%	VN30	0.94%
Thực phẩm và đồ uống	0.58%	VNSML	0.67%
Hóa chất	0.55%	VNMID	0.59%
Du lịch và Giải trí	0.43%		

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1095.43**

Giá trị: 12049.84 tỷ **7.37 (0.68%)**

Khối ngoại (ròng): 46.59 tỷ

HNX-INDEX **224.39**

Giá trị: 1413.61 tỷ **0.5 (0.22%)**

Khối ngoại (ròng): 4.7 tỷ

UPCOM-INDEX **84.54**

Giá trị: 317.69 tỷ **0.05 (0.06%)**

Khối ngoại (ròng): -3.24 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	80.0	-0.70%
Giá vàng	2,012	0.50%
Tỷ giá USD/VND	24,255	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,540	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	163.18	0.11%
LS liên NH 1 tháng	1.10%	
LS TPCP 5 năm	1.93%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	70.35	VNM	-32.87
VPB	33.68	VCI	-26.93
VHM	28.34	VCB	-21.08
HPG	18.68	VND	-20.17
DIG	11.99	KBC	-18.30

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 28/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	74.86	-0.90%	-3.68%	-8.22%	-3.06%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	79.98	-0.70%	-2.91%	-7.44%	-4.61%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.19	1.19%	-1.58%	-1.17%	-3.45%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.79	-2.35%	-3.27%	-16.83%	-60.28%		
TTF Gas	EUR/MWh	43.98	-5.73%	-4.01%	-12.98%	-64.32%		
Vàng	Ounce	2,012.34	0.50%	1.89%	0.94%	15.73%		PNJ
Bạc	Ounce	24.65	1.42%	5.32%	5.74%	17.82%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,332.00	0.09%	-2.58%	3.84%	-8.60%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.15	0.12%	0.12%	1.72%	-18.45%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	145.50	-0.82%	-2.61%	0.34%	15.38%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.20	0.82%	-1.31%	1.68%	40.35%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	387.00	0.00%	-0.77%	-6.52%	-28.33%		DPM, DCM
Niken	LB	15,907.00	0.00%	-4.87%	-12.92%	-37.65%		PC1
Đồng	LB	3.76	-0.81%	-1.14%	2.94%	3.89%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,380.00	3.48%	8.68%	-6.67%	-9.85%		CSV
Thép	CNY/ton	3,944.00	0.18%	-0.20%	6.39%	5.60%		HPG
Nhôm	Ton	2,216.00	0.00%	-1.31%	-2.23%	-6.20%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent giao sau giảm 60 cent, tương đương 0.7%, xuống 79.98 USD/thùng. Giá dầu thô kỳ hạn tại Mỹ mất 68 cent, tương đương 0.9%, xuống 74.86 USD/thùng. Cả hai loại dầu đều mất 1 USD trong phiên giao dịch sớm.
- Giá dầu giảm vào phiên giao dịch đầu tuần, với giá dầu Brent chuẩn giảm xuống dưới 80 USD/thùng khi các nhà đầu tư chờ đợi cuộc họp OPEC+ trong tuần này và dự kiến hạn chế nguồn cung vào năm 2024.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 2,012.34 USD/ounce vào lúc 20:01 GMT, sau khi đạt mức cao nhất kể từ ngày 16/5. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.5% lên 2012.4 USD.
- Vàng đạt mức cao nhất trong sáu tháng khi đồng đô la mềm hơn và kỳ vọng về việc tạm dừng thắt chặt tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang đã giúp vàng củng cố trên mức quan trọng 2,000 USD/ounce.

Quặng sắt

- Giá quặng sắt giao tháng 1/2024 trên sàn Đại Liên Trung Quốc giảm 0.15% xuống 975.5 nhân dân tệ (135.28 USD)/tấn. Quặng sắt kỳ hạn tháng 12/2024 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 1.17% xuống 132.3 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn giảm sau khi Trung Quốc đưa ra cảnh báo về việc tăng cường giám sát trên thị trường và khi các nhà đầu tư chờ đợi chi tiết hơn về chính sách kích thích thị trường bất động sản.

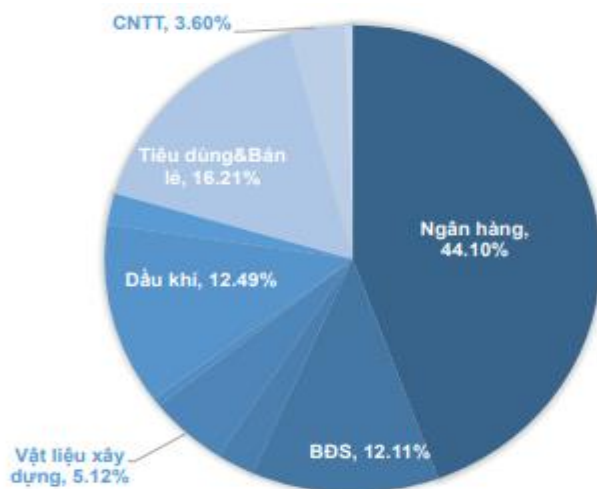
Giá hàng hóa khác

- Giá đường thô kỳ hạn trên sàn giao dịch ICE chốt phiên đã phục hồi sau khi chạm mức thấp nhất trong gần một tháng vào đầu phiên khi sản lượng tăng vọt từ Brazil làm giảm bớt một số lo ngại về nguồn cung, trong khi ca cao tiếp tục củng cố chuỗi tăng gần đây lên mức cao kỷ lục.
- Giá ngũ cốc giảm và đậu tương kỳ hạn tại Chicago giảm xuống mức thấp nhất 3 tuần sau kỳ nghỉ lễ Tạ ơn cuối tuần, do nhu cầu chậm và bán kỹ thuật.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	85.8	0.0%	1.0	19,767	2.8	5,797	14.8	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	38.8	-9.7%	0.7	8,101	1.3	4,025	9.7	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	0.8%	1.0	6,328	4.6	1,727	11.2	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	30.0	2.2%	1.5	4,349	4.6	5,059	5.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	17.8	1.4%	1.3	3,836	4.9	3,496	5.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.2	2.7%	0.9	2,188	20.0	3,600	7.8	31,200	24.4%	Link
GVR	BDS KCN	19.6	1.6%	1.6	3,232	1.0	714	27.5	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	31.0	-0.2%	1.6	981	9.3	4,368	7.1	42,500	20.3%	Link
IDC	BDS KCN	48.5	1.0%	1.4	660	3.0	3,969	12.2	45,900	11.1%	Link
VGC	BDS KCN	52.1	0.0%	1.7	963	1.5	2,651	19.7	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.7	1.5%	1.7	6,400	20.8	(328)	-81.4	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	40.8	3.8%	1.5	7,314	12.4	10,341	3.9	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	22.8	0.9%	1.3	2,136	1.9	1,588	14.4	38,900	32.1%	Link
KDH	BDS	31.3	0.0%	1.7	1,031	1.4	1,280	24.4	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	37.2	0.4%	1.3	589	2.6	1,582	23.5	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	94.3	0.1%	1.5	1,476	6.8	10,728	8.8	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	32.3	-1.1%	0.9	521	1.8	6,403	5.0	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	31.2	0.0%	1.2	681	2.9	4,286	7.3	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	77.0	0.3%	0.7	7,290	1.7	5,567	13.8	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	33.7	0.3%	1.0	1,765	0.9	2,125	15.9	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	0.3%	1.2	733	4.3	1,953	19.0	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.3	-0.2%	1.3	626	2.8	449	60.8	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.3	0.0%	0.8	1,091	2.0	602	18.8	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	68.5	0.6%	0.6	5,901	5.0	3,935	17.4	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	61.3	0.7%	1.4	3,615	3.0	916	66.9	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	38.0	0.0%	1.6	2,291	9.6	1,069	35.5	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.1	-0.5%	0.7	1,069	1.1	5,503	14.4	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	68.3	0.0%	0.8	527	1.3	7,080	9.6	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	67.5	0.7%	0.6	851	2.5	7,470	9.0	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	91.1	0.4%	0.7	4,769	4.1	4,573	19.9	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.3	-0.30%	0.9	5,804	2.5	3,664	8.0	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.9	0.2%	0.9	3,506	3.8	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	0.8	2,152	4.0	2,765	6.5	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.0	1.4%	0.8	1,581	1.0	1,410	10.6	1.5	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.7	1.4%	1.3	1,955	1.2	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	20.8	1.0%	1.9	1,044	22.7	467	44.5	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.8	0.6%	1.1	1,520	1.7	2,697	6.2	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.4	1.3%	1.4	1,940	27.7	1,090	28.8	2.1	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.8	2.1%	1.9	221	3.7	318	53.0	6.8	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.6	0.9%	1.7	0	0.5	445	26.0	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	61.9	3.2%	1.5	253	3.9	681	90.8	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.3	-2.4%	1.4	194	3.6	919	15.6	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.9	1.7%	2.0	93	1.9	482	24.7	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.5	-1.3%	0.7	2,496	0.6	418	140.0	3.4	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.3	0.0%	1.3	710	4.1	56	341.6	4.7	2.0%	1.3%
PHR	KCN	46.4	0.3%	1.2	259	0.5	6,568	7.1	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	43.3	0.0%	1.6	214	3.2	1,405	30.8	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.3	3.1%	1.9	541	10.7	(2,105)	-10.1	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	11.6	0.0%	1.3	183	0.1	176	66.2	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	22.8	4.6%	2.0	247	16.3	(2,655)	-8.6	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.5	0.9%	0.7	161	0.2	5,309	11.0	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	24.9	0.0%	1.7	78	1.3	1,482	16.8	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	17.4	0.6%	1.9	1,403	20.3	(295)	-59.1	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BDS	19.8	1.8%	2.6	497	13.7	(317)	-62.3	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BDS	32.7	-0.9%	1.5	182	5.1	2,190	14.9	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BDS	24.5	1.4%	2.4	616	19.0	152	160.9	1.9	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.3	0.0%	1.7	138	0.5	1,597	8.3	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.6	-0.5%	1.5	0	3.9	1,596	11.7	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.6	1.4%	0.7	341	4.4	2,993	8.5	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	29.9	1.4%	1.3	100	0.1	1,353	22.1	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.0	0.4%	0.9	113	0.1	1,980	11.6	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.2	0.5%	0.8	964	0.3	6,445	8.9	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.5	1.4%	1.7	755	13.9	384	55.9	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.2	1.7%	0.6	287	0.1	2,560	9.5	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.5	0.7%	1.5	347	1.3	2,739	10.0	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	25.6	0.2%	1.5	328	1.5	944	27.1	1.2	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.0	-0.8%	0.7	182	0.2	636	20.4	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.5	1.3%	2.5	187	1.7	(79)	-108.3	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	64.9	0.9%	0.5	3,431	1.3	3,518	18.4	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	45.6	0.4%	0.5	0	0.5	4,965	9.2	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	98.8	-0.2%	1.0	555	1.5	(327)	-301.9	8.4	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	49.8	-0.1%	2.0	343	2.5	2,984	16.7	3.7	23.6%	21.9%
DBC	F&B	23.6	1.7%	1.8	235	6.0	551	42.8	1.2	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	24.4	2.3%	2.2	107	2.3	837	29.2	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.2	-0.8%	0.4	149	2.4	1,225	20.5	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.2	-1.2%	1.5	160	1.6	2,162	13.5	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	28.0	0.5%	0.6	154	0.8	1,370	20.4	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	36.0	3.9%	1.0	157	7.8	5,742	6.3	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	87.6	1.3%	1.1	413	0.7	4,238	20.7	6.1	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	18.3	1.7%	1.1	86	0.8	2,353	7.8	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

